TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM

ĐẠI HỌC BÁCH KHOA



MÔN HỌC : **PHÁP LUẬT VIỆT NAM ĐẠI CƯƠNG**

GVHD : **LÊ MỘNG THƠ**

NHÓM-LỚP : **DT01- NHÓM 13**

BÁO CÁO BÀI TẬP LỚN:

**CHỦ ĐỀ 1 :**

**HIỆU LỰC PHÁP LUẬT CỦA GIAO DỊCH DÂN SỰ DO**

**“NGƯỜI YẾU THẾ” XÁC LẬP, THỰC HIỆN THEO BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2015**

*TP.HCM, ngày tháng 9 năm 2022*

**BÁO CÁO PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ VÀ KẾT QUẢ**

**THỰC HIỆN ĐỀ TÀI CỦA TỪNG THÀNH VIÊN NHÓM….**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **MSSV** | **Nhiệm vụ** | **Kết quả** | **Chữ ký** |
| 1. |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |
| 3. |  |  |  |  |  |
| 4. |  |  |  |  |  |
| 5. |  |  |  |  |  |
| 6. |  |  |  |  |  |

**NHÓM TRƯỞNG** *(ghi rõ họ tên, ký tên)*

*(Thông tin liên hệ của nhóm trưởng: SĐT, EMAIL)*

**Mục lục**

**PHẦN MỞ ĐẦU**

**1. Lý do chọn đề tài**

Sinh viên cần trình bày khái quát về đề tài thuộc lĩnh vực nào, đối tượng nghiên cứu của của đề tài.

Tính cấp thiết của đề tài dưới góc độ lý luận và thực tiễn, từ đó nêu lên vị trí và tầm quan trọng của đề tài có ý nghĩa gì đối với sự phát triển của xã hội.

Vậy nên, nhóm tác giả thực hiện nghiên cứu đề tài “ Hiệu lục pháp luật của giao dịch dân sự do “người yếu thế” xác lập, thực hiện theo bộ luật dân sự năm 2015 ” cho Bài tập lớn trong chương trình học môn Pháp luật Việt Nam Đại cương.

**2. Nhiệm vụ của đề tài**

**Một là**, xác định nhóm người yếu thế trong quan hệ pháp luật dân sự và năng lực chủ thể của nhóm người này khi xác lập, thực hiện các giao dịch dân sự.

**Hai là,** tập trung phân tích và đánh giá những điều kiện để cá nhân được xem là người yếu thế trong quan hệ pháp luật dân sự.

**Ba là**, phân tích hiệu lực của các giao dịch dân sự do nhóm người yếu thế trong quan hệ pháp luật dân sự xác lập, thực hiện.

**Bốn là,** nghiên cứu tình huống từ thực tiễn Toà án để nhận diện giao dịch dân sự vô hiệu do những người yếu thế trong quan hệ pháp luật dân sự trong thực tế, phát hiện ra bất cập quy định pháp luật và thực tiễn; từ đó đề xuất kiến nghị hoàn thiện pháp luật.

**3. Bố cục tổng quát của đề tài** gồm 2 chương

**Chương 1 :** Lý luận chung về hiệu lực pháp luật của giao dịch dân sự do nhóm người yếu thế xác lập, thực hiện.

**Chương 2 :** Thực tiễn tranh chấp về giao dịch dân sự do nhóm người yếu thế xác lập, thực hiện.

**PHẦN NỘI DUNG**

**CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ HIỆU LỰC PHÁP LUẬT**

**CỦA GIAO DỊCH DÂN SỰ DO NHÓM NGƯỜI YẾU THẾ XÁC LẬP, THỰC HIỆN**

* 1. **Người yếu thế trong quan hệ pháp luật dân sự và giao dịch dân sự do người yếu thế xác lập, thực hiện**
     1. ***Khái niệm người yếu thế trong quan hệ pháp luật dân sự***

Về bản chất, quan hệ dân sự được thiết lập trên cơ sở bình đẳng, thỏa thuận và tự do ý chí giữa các bên. Do đó, các bên tham gia quan hệ dân sự phải là các chủ thể có khả năng nhận thức, tự do ý chí, bình đẳng về khả năng thực hiện quyền và nghĩa vụ. Tuy nhiên, có những chủ thể vì những lý do nào đó mà không có khả năng nhận thức đầy đủ, không có tự do ý chí cũng như khả năng tự mình thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ dân sự như những đối tượng khác, do đó, khi tham gia giao dịch dân sự, họ không thể tự mình mà phải thông qua người khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ cũng như không thể tự mình bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng phát sinh từ các quan hệ pháp luật dân sự.

Chính vì vậy, có thể hiểu họ chính là những người “yếu thế” trong các quan hệ pháp luật dân sự. Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2015 đã có các quy định ghi nhận và bảo vệ người yếu thế trong quan hệ pháp luật dân sự, bao gồm: người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

*Người mất năng lực hành vi dân sự*

Người mất năng lực hành vi dân sự được hiểu là một người đã từng có năng lực hành vi dân sự nhưng vì một lý do nào đó mà năng lực hành vi dân sự của họ không còn nữa. Người mất năng lực hành vi dân sự không thể bằng nhận thức để làm chủ, kiểm soát hành vi của bản thân nên mọi giao dịch đều thông qua người đại diện hợp pháp của họ xác lập và thực hiện.

Trong trường hợp lý do khiến một người bị mất năng lực hành vi dân sự không còn thì Tòa án sẽ ra quyết định hủy bỏ quyết định tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự, phục hồi lại năng lực hành vi dân sự cho họ.

*Người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự*

Người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự là những người đã từng có năng lực hành vi dân sự đầy đủ (người đã thành niên, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi) nhưng lại rơi vào tình trạng quy định tại khoản 1 Điều 24 BLDS năm 2015: “Người nghiện ma túy, nghiện các chất kích thích khác dẫn đến phá tán tài sản của gia đình thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án có thể ra quyết định tuyên bố người này là người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự”.

Quyết định tuyên bố hạn chế năng lực hành vi dân sự của Tòa án đối với một người có hiệu lực pháp luật cho đến khi quyết định đó bị hủy bỏ: “Khi không còn căn cứ tuyên bố một người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự thì theo yêu cầu của chính người đó hoặc của người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án ra quyết định huỷ bỏ quyết định tuyên bố hạn chế năng lực hành vi dân sự” thì cá nhân đó chỉ được tự mình xác lập, thực hiện các giao dịch dân sự có giá trị nhỏ nhằm phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của bản thân họ. Nếu họ muốn tham gia các giao dịch khác phải có sự đồng ý của người đại diện hợp pháp.

*Người khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi*

Theo quy định của Điều 23 BLDS năm 2015, người thành niên do tình trạng thể chất hoặc tinh thần mà không đủ khả năng nhận thức, làm chủ hành vi nhưng chưa đến mức mất năng lực hành vi dân sự thì theo yêu cầu của người này, người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, trên cơ sở kết luận giám định pháp y tâm thần, Tòa án ra quyết định tuyên bố người này là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và chỉ định người giám hộ, xác định quyền, nghĩa vụ của người giám hộ.

Khi không còn căn cứ tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì theo yêu cầu của chính người đó hoặc của người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án ra quyết định huỷ bỏ quyết định tuyên bố người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. ”[[1]](#footnote-1)

Như vậy ta có thể thấy, quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 liên quan đến nhóm người yếu thế giúp cho những người gặp bất lợi trong những quan hệ pháp luật dân sự (người yếu thế) được đảm bảo quyền lợi bởi tính công bằng, dân chủ do Nhà nước ban hành thông qua các biện pháp bảo vệ như: chế độ giám hộ, chế độ đại diện…. giúp cho họ có thể có được những quyền lợi như tất thảy mọi người trong xã hội.

* + 1. ***Giao dịch dân sự và điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự***

Theo Điều 116 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về giao dịch dân sự như sau: *“Giao dịch dân sự là hợp đồng hoặc hành vi pháp lý đơn phương làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự. Giao dịch dân sự thực chất là một loại sự kiện pháp lý làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật dân sự.”.*

Có 2 loại giao dịch dân sự:

* Hành vi pháp lý đơn phương: là giao dịch thể hiện ý chí của một bên chủ thể nhằm phát sinh quan hệ dân sự mà không cần ý chí của các chủ thể khác. Hành vi pháp lý đơn phương có thể do một hoặc nhiều chủ thể ở cùng một bên bày tỏ ý chí. Trong nhiều trường hợp hành vi pháp lý đơn phương chỉ phát sinh hậu quả pháp lý khi có điều kiện do chủ thể bày tỏ ý chí đặt ra, phía bên kia phải đáp ứng mới làm phát sinh nghĩa vụ của bên bày tỏ ý chí đơn phương.
* Hợp đồng dân sự: là giao dịch thể hiện sự thống nhất ý chí của hai hay nhiều bên chủ thể ở hai phía của giao dịch, làm phát sinh, thay đổi . chấm dứt quyền và nghĩa vụ dân sự.” [[2]](#footnote-2)

Theo **Điều 385 Bộ luật dân sự 2015**: *Hợp đồng là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự.*

Ta cũng có thể nói hợp đồng là sự giao kết giữa hai bên hoặc giữa nhiều bên với nhau, cùng có sự thống nhất về ý chí, tự nguyện và phù hợp với ý chí của Nhà nước.

“Từ khái niệm được quy định tại **Điều 385 Bộ luật dân sự 2015** ta thấy được một số khía cạnh:

* Hợp đồng là một sự kiện pháp lý làm phát sinh các hậu quả pháp lý, đó là: xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt các quyền, nghĩa vụ dân sự của bên chủ thể trong thực hiện giao kết hợp đồng.
* Nội dung giao kết của hợp đồng là các quyền và nghĩa vụ mà các bên chủ thể trong hợp đồng thỏa thuận và cùng cam kết thực hiện.
* Mục đích của hợp đồng khi ký kết hợp đồng là phải đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các bên, không được trái với đạo đức và các chuẩn mực xã hội. Chỉ khi đáp ứng được các mục đích đó thì hợp đồng mà các bên giao kết mới được thừa nhận là hợp pháp và có giá trị pháp lý.
* Định nghĩa cũng cho thấy, để tồn tại một hợp đồng thì phải có sự thỏa thuận giữa các bên. Sự thỏa thuận đó được hình thành từ hai phía, theo đó một bên đưa ra đề nghị giao kết hợp đồng và một bên đưa ra chấp nhận đề nghị giao kết đó. Đề nghị giao kết và chấp nhận đề nghị giao kết được coi là điều kiện cần và đủ để hình thành nên một hợp đồng. ”[[3]](#footnote-3)

Lẽ công bằng và sự hợp lý luôn là một nguyên tắc có sự ảnh hưởng quan trọng đến mọi hành xử của con người. Thật vậy, mục đích của giao dịch dân sự được lập ra nhằm để thể hiện sự tôn trọng, bảo đảm quyền dân sự; bình đẳng; thiện chí; tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của người khác. Thứ tự áp dụng của giao dịch dân sự phải dựa trên sự coi trọng công bằng và sự hợp lý. Như vậy, một giao dịch không đạt yêu cầu về lẽ công bằng và cũng không hợp lý sẽ dẫn đến giao dịch bị vô hiệu.

Hình thức của giao dịch dân sự là điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự trong trường hợp luật có quy định, về điều kiện phát sinh của giao dịch dân sự, theo quy định tại Điều 117 BLDS 2015, giao dịch dân sự có hiệu lực khi có đủ các điều kiện sau đây:

- “Chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập;

- Chủ thể tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện;

- Mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.” [[4]](#footnote-4)

* 1. **Năng lực chủ thể của người yếu thế trong pháp luật dân sự**

Theo điều 16 BLDS 2015 quy định về năng lực pháp luật dân sự của cá nhân như sau:

“ Điều 16. Năng luật pháp luật dân sự của cá nhân

1. Năng luật pháp luật dân sự của cá nhân lả khả năng của cá nhân có quyền dân sự và nghĩa vụ dân sự.
2. Mọi cá nhân đều có năng lực pháp luật dân sự như nhau.
3. Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân có từ khi người đó sinh ra và chấm dứt khi người đó chết." *[[5]](#footnote-5)*

Cá nhân là chủ thể đầu tiên của các quan hệ xã hội, là “tổng hoà các mối quan hệ xã hội”. Cá nhân - con người là trung tâm của các chính sách kinh tế, xã hội mà Đảng và Nhà nước ta đã và đang thực hiện với mục đích phục vụ con người, vì con người. Trong các quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân mà luật dân sự điều chỉnh thì cá nhân là chủ thể nguyên sinh, đầu tiên và các chủ thể khác tham gia vào các quan hệ dân sự cũng thông qua hành vi của con người. Để tham gia vào quan hệ xã hội nói chung và quan hệ dân sự nói riêng, cá nhân phải có tư cách chủ thể để tham gia vào các quan hệ dân sự. Đây là năng lực chủ thể được tạo thành bởi năng lực pháp luật và năng lực hành vi.

Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân là khả năng, là tiền đề, điều kiện cần thiết để công dân có quyền, có nghĩa vụ; là thành phần không thể thiếu được của cá nhân với tư cách chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự, là một mặt của năng lực chủ thể.

* + 1. ***Người chưa thành niên***

Theo điều 21 BLDS 2015 quy định :

Điều 21. Người chưa thành niên

1. Người chưa thành niên là người chưa đủ mười tám tuổi.
2. Giao dịch dân sự của người chưa đủ 6 tuổi do người đại diện theo pháp luật của người đó xác lập, thực hiện
3. Người từ đủ sáu tuổi đến chưa đủ mười lăm tuổi khi xác lập, thực hiện giao dịch dân sự phải được người đại diện theo pháp luật đồng ý, trừ giao dịch dân sự phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày phù hợp với lứa tuổi.
4. Người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi tự mình xác lập, thực hiện giao dịch dân sự, trừ giao dịch dân sự liên quan đến bất động sản, động sản phải đăng ký và giao dịch dân sự khác theo quy định của luật phải được người đại diện theo pháp luật đồng ý.

Trên cơ sở khoa học thì ở độ tuổi này người chưa thành niên chưa phát triển đầy đủ về mặt thể chất và tinh thần của con người và được cụ thể hoá bằng giới hạn độ tuổi trong các văn bản pháp luật

      Như vậy, có thể thấy người chưa thành niên là người dưới 18 tuổi; chưa phát triển hoàn thiện về thể chất và tinh thần; chưa có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ pháp lý như người đã thành niên.

Năng lực chủ thể của người chưa thành niên bao gồm năng luật pháp luật và năng luật hành vi dân sự. Năng luật pháp luật có từ khi người đó được sinh ra, còn năng lực hành vi dân sự có khi người đó đủ 6 tuổi trở lên. Người chưa thành niên là người chưa đủ 18 tuổi, mặc dù có năng lực hành vi dân sự nhưng năng lực này chưa đầy đủ.Do đó, cần có người đại diện cho những cá nhân ở lứa tuổi này.

Xác định người đã hay chưa thành niên là điểu quan trọng khí tham gia giao dịch dân sự, đối một số trường hợp giao dịch sẽ bị vô hiệu hóa nếu giao kết với người chưa thành niên, điều này ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của các bên tham gia. Không những vậy, một số vấn đề khác như xử phạt hành chính, trách nhiệm hình sự,… đều phải xem xét lại các yếu tố và một trong những yếu tố quan trọng mang tính quyết định là xác định xem chủ thể bị xử lý là người đã thành niên hay chưa thành niên.

* + 1. *Người mất năng lực hành vi dân sự*

Theo điều 22 BLDS 2015 quy định:

“ Điều 22. Mất năng lực hành vi dân sự

1. Khi một người do bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án ra quyết định tuyên bố người này là người mất năng lực hành vi dân sự trên cơ sở kết luận giám định pháp y tâm thần.

Khi không còn căn cứ tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự thì theo yêu cầu của chính người đó hoặc của người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án ra quyết định hủy bỏ quyết định tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự.

1. Giao dịch dân sự của người mất năng lực hành vi dân sự phải do người đại diện theo pháp luật xác lập, thực hiện.

Mất năng lực hành vi dân sự là trường hợp khi một người do bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án ra quyết định tuyên bố người này mất năng lực hành vi dân sự trên cơ sở kết luận giám định pháp y tâm thần.

Một người chỉ có thể bị coi là mất năng lực hành vi dân sự khi có quyết định của Tòa án tuyên bố người này mất năng lực hành vi dân sự. Một người nếu bị bệnh tâm thần, hoặc các bệnh khác nhưng Tòa không có quyết định tuyên bố người này mất năng lực hành vi dân sự thì không thể xác định người này là người mất năng lực hành vi dân sự.

Tòa án phải căn cứ vào kết luận giám định pháp y tâm thần để ra quyết định tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự. Điều này nhằm mục đích đảm bảo tính đúng đắn của các quyết định. Việc tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của chính người đó và cả những người có quyền, lợi ích liên quan nên nếu ra quyết định sai có thể dẫn đến quyền của người khác bị xâm phạm.

Theo Khoản 1 Điều 22 quy định rõ về trường hợp Mất năng lực hành vi dân sự như sau: “khi một người do bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án ra quyết định tuyên bố người này là người mất năng lực hành vi dân sự trên cơ sở kết luận giám định pháp y tâm thần”.  Như vậy, để xác định người mất năng lực hành vi dân sự thì người đó phải là người có dấu hiệu về bệnh tâm thần hoặc bệnh khác mà không nhận thức được hành vi của mình, còn đối với người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự là những người sử dụng ma túy hoặc các chất kích thích khác dẫn đến không kiểm soát được hành vi của mình. Nhưng đối với người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì xác định rất khó vì người đó là người không nhận thức và làm chủ hành vi của mình nhưng lại không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự, quy định không cụ thể như vậy rất khó có thể phân biệt những trường hợp nào là trường hợp mất năng lực hành vi dân sự và người có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi, căn cứ để xác định đối với cả hai trường hợp trên là dựa vào kết luận giám định pháp y về tâm thần.

* + 1. *Người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi*

Theo điều 23 BLDS 2015 quy định:

“Điều 23. Người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi

1. Người thành niên do tình trạng thể chất hoặc tinh thần mà không đủ khả năng nhận thức, làm chủ hành vi nhưng chưa đến mức mất năng lực hành vi dân sự thì theo yêu cầu của người này, người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, trên cơ sở kết luận giám định pháp y tâm thần, Tòa án ra quyết định tuyên bố người này là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và chỉ định người giám hộ, xác định quyền, nghĩa vụ của người giám hộ.
2. Khi không còn căn cứ tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì theo yêu cầu của chính người đó hoặc của người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án ra quyết định hủy bỏ quyết định tuyên bố người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

Người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi là người từ đủ 18 tuổi trở lên, do tình trạng thể chất và tinh thần mà không đủ khăn năng nhận thức, làm chủ hành vi nhưng chưa đến mức mất năng lực hành vi dân sự. Tình trạng thể chất hoặc tinh thần dẫn đến không đủ khă năng nhận thức, làm chủ hành vi có thể là trường hợp cá nhân bất chợt bị tâm thần nhưng chưa đến mức không thể nhận thức, làm chủ hành vi của mình.

Để xác định một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì phải có đủ các điều kiện:

* Về khả năng nhận thức và điều kiển hành vi: người thành niên trong tình trạng thể chất hoặc tinh thần mà không đủ khả năng nhận thức, làm chủ hành vi nhưng chưa đến mức mất năng lực hành vi dân sự;
* Có yêu cầu của người này, người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan;
* Có kết luận giám định pháp y tâm thần;
* Có quyết định tuyên bố người này là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Theo Khoản 1 Điều 23 quy định về Người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi như sau: “Người thành niên do tình trạng thể chất hoặc tinh thần mà không đủ khả năng nhận thức, làm chủ hành vi nhưng chưa đến mức mất năng lực hành vi dân sự thì theo yêu cầu của người này, người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, trên cơ sở giám định pháp y tâm thần, Tòa án ra quyết định tuyên bố người này là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và chỉ định người giám hộ, xác định quyền, nghĩa vụ của người giám hộ”..  Như vậy, quy định trong trường hợp nào được hiểu là do tình trạng thể chất hoặc tinh thần mà không đủ khả năng nhận thức, làm chủ hành vi nhưng chưa đến mức mất năng lực hành vi dân sự thì điều luật chưa quy định rõ ràng, dẫn đến gây nhầm lẫn trong quá trình áp dụng.[[6]](#footnote-6)

* + 1. ***Người hạn chế năng lực hành vi dân sự***

Theo điều 24 BLDS 2015 quy định:

“Điều 24. Hạn chế năng lực hành vi dân sự

1. Người nghiện ma túy, nghiện các chất kích thích khác dẫn đến phá tán tài sản của gia đình thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án có thể ra quyết định tuyên bố người này là người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

Tòa án quyết định người đại diện theo pháp luật của người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự và phạm vi đại diện.

1. Việc xác lập, thực hiện giao dịch dân sự liên quan đến tài sản của người bị Tòa án tuyên bố hạn chế năng lực hành vi dân sự phải có sự đồng ý của người đại diện theo pháp luật, trừ giao dịch nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày hoặc luật liên quan có quy định khác.
2. Khi không còn căn cứ tuyên bố một người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự thì theo yêu cầu của chính người đó hoặc của người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án ra quyết định hủy bỏ quyết định tuyên bố hạn chế năng lực hành vi dân sự.

Người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự là người thành niên có năng lực hành vi dân sự, tuy nhiên do họ bị nghiện ma túy hoặc các chất kích thích khác dẫn đến phá tán tài sản của gia đình nên họ có thể bị yêu cầu tuyên bố là người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

Yêu cầu tuyên bố một người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự chỉ được thực hiện bởi người có quyền, lợi ích liên quan, cơ quan, tổ chức hữu quan có mối quan hệ với người đó. Tòa án cũng là cơ quan duy nhất có thẩm quyền ra quyết định tuyên bố một người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự

Theo Điều 24 BLDS năm 2015, tác nhân gây nghiện là ma túy, chất kích thích khác, tức là hóa chất. Tuy nhiên, tác giả nhận thấy thực tiễn cá nhân có thể bị những tác nhân khác gây “nghiện”. Theo Nguyễn Khắc Dũng – bác sĩ Bệnh viện tâm thần ban ngày Mai Hương: “Nghiện là sự lệ thuộc, thèm muốn 1 tác nhân (1 chất,1 thứ gì đó) mà khi giảm hoặc ngừng có thể dẫn đến các triệu chứng đặc thù về cơ thể, sinh lý và tâm thần”. Theo đó, ngoài nghiện ma túy, chất kích thích khác, cá nhân còn có thể bị tác nhân phi vật chất gây ra tình trạng nghiện – còn gọi là “nghiện hành vi”. Ví dụ: nghiện cờ bạc, nghiện game, nghiện tình dục… Một mặt, để thỏa mãn ham muốn, người “nghiện” hoang phí tài sản – đặc biệt là nghiện cờ bạc, nghiện game. Mặt khác, các rối loạn nghiện cờ bạc thường kết hợp với rối loạn nhân cách như rối loạn sự thích ứng, rối loạn phân ly, tự yêu, trạng thái phụ thuộc hoặc nhân cách bệnh chống xã hội (Nguyễn Khắc Dũng, 2016). Dĩ nhiên, hậu quả vẫn chưa đến mức không có khả năng nhận thức, điều khiển hành vi đủ để yêu cầu tuyên bố người nghiện này mất năng lực hành vi dân sự theo Điều 22 BLDS năm 2015. Một ý kiến khác, theo Bùi Quang Huy, Chủ nhiệm Khoa Tâm thần, Bệnh viện 103 thì: “Với người nghiện cờ bạc, đa số bệnh nhân và người nhà chỉ cho đó là hư hỏng. 100% bệnh nhân không chịu thừa nhận mình mắc bệnh, nên công tác chữa trị chỉ được thực hiện khi bệnh nhân gây ra nhiều hậu quả lớn về kinh tế, tinh thần...”. Bên cạnh các trò cờ bạc, trên thực tế, cá độ online ngày càng phổ biến và nguy hiểm ở chỗ những hình ảnh, âm nhạc, con số người đặt gây ra kích thích trung khu gây hưng phấn cờ bạc. Khi đó mọi hưng phấn về công việc, âm nhạc, chơi thể thao… sẽ suy giảm, nhường chỗ cho hưng phấn cờ bạc, kích thích con nghiện càng đánh to hơn nữa. Đây là một dạng bệnh lý tâm thần khiến người bệnh đam mê, hưng phấn với cờ bạc. Nguyên nhân xuất phát từ việc thiếu hụt chất serotonin trong não từ 50-70% so với người bình thường. Bệnh lý này có tính di truyền và sẽ bùng phát nếu được đặt vào môi trường cờ bạc, tìm cách gỡ gạc khi thua lỗ.[[7]](#footnote-7)

* 1. **Hiệu lực pháp luật của giao dịch dân sự do nhóm người yếu thế trong quan hệ pháp luật dân sự xác lập, thực hiện**

***1.3.1. Trường hợp giao dịch dân sự vô hiệu do nhóm người yếu thế trong quan hệ pháp luật dân sự xác lập, thực hiện***

“Giao dịch là hành vi có ý thức của chủ thể nhằm đạt được mục đích nhất định, cho nên giao dịch dân sự là hành vi mang tính ý chí của chủ thể tham gia giao dịch, với những mục đích và động cơ nhất định. Do vậy, giao dịch dân sự vô hiệu khi không có một trong các điều kiện quy định tại Điều 117 BLDS 2015, cụ thể:

* Thứ nhất: Chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập;
* Thứ hai: Chủ thể tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện;
* Thứ ba: Mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.
* Thứ tư: Hình thức của giao dịch dân sự là điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự trong trường hợp luật có quy định.
* Thứ năm: Các trường hợp khác do Bộ luật này quy định.”[[8]](#footnote-8)

Theo khái niệm trên, các trường hợp giao dịch bị vô hiệu có thể được phần loại thành hai nhóm chính: vô hiệu tuyệt đối (hay còn gọi là vô hiệu đương nhiên) và vô hiệu tương đối (hay còn gọi là vô hiệu bị tuyên).

“Sự phân loại nêu trên dựa vào một số đặc điểm thể hiện bản chất của hai khái niệm giao dịch dân sự vô hiệu tuyệt đối và vô hiệu tương đối. Đó là:

* Thứ nhất là sự khác biệt về trình tự vô hiệu của giao dịch. Giao dịch dân sự vô hiệu tuyệt đối thì mặc nhiên bị coi là vô hiệu. Còn đối với các giao dịch vô hiệu tương đối thì không mặc nhiên vô hiệu mà chỉ trở nên vô hiệu khi có đơn yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan và bị toà án tuyên bố vô hiệu.
* Thứ hai là sự khác biệt về thời hạn yêu cầu tuyên bố giao dịch vô hiệu. Đối với các giao dịch dân sự vô hiệu tuyệt đối thì thời hạn yêu cầu toà án tuyên bố giao dịch vô hiệu không bị hạn chế. Còn đối với các giao dịch dân sự vô hiệu tương đối thì thời hiệu khởi kiện yêu cầu toà án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu là hai năm kể từ ngày giao dịch dân sự được xác lập (Điều 132 BLDS 2015). Có một điểm cần lưu ý là trường hợp vô hiệu do vi phạm các quy định bắt buộc về hình thức cũng thuộc nhóm vô hiệu tuyệt đối nhưng theo quy định của Điều 132 BLDS 2015 thì thời hạn yêu cầu tuyên bố giao dịch vô hiệu là hai năm kể từ ngày giao dịch được xác lập (giống như các trường hợp vô hiệu tương đối, bởi vì, hiệu lực của giao dịch phụ thuộc vào ý chí của chủ thể mà không phải là của Nhà nước).
* Thứ ba, giao dịch dân sự thuộc trường hợp vô hiệu tuyệt đối có thể bị vô hiệu không phụ thuộc vào quyết định của toà án mà đương nhiên không có giá trị, vì giao dịch vi phạm pháp luật nghiêm trọng cho nên Nhà nước không bảo hộ. Còn đối với giao dịch dân sự vô hiệu tương đối thì quyết định của toà án là cơ sở làm cho giao dịch trở nên vô hiệu. Quyết định của toà án mang tính chất phán xử. Toà án tiến hành giải quyết vụ việc khi có đơn yêu cầu của các bên (hoặc của đại diện hợp pháp của họ). Bên yêu cầu phải có nghĩa vụ chứng minh trước toà các cơ sở của yêu cầu. Dựa trên những minh chứng đó toà án mới cân nhắc để ra quyết định giao dịch có bị coi là vô hiệu hay không.
* Thứ tư là sự khác biệt về mục đích. Các trường hợp pháp luật quy định giao dịch vô hiệu tuyệt đối nhằm mục đích bảo vệ các lợi ích công (lợi ích của Nhà nước, của xã hội nói chung). Còn các trường hợp pháp luật quy định vô hiệu tương đối là nhằm mục đích bảo vệ lợi ích cho chính các chủ thể tham gia giao dịch.”[[9]](#footnote-9)

Theo Điều 125 BLDS:

* “Khi giao dịch dân sự do người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự xác lập, thực hiện thì theo yêu cầu của người đại diện của người đó, Tòa án tuyên bố giao dịch đó vô hiệu nếu theo quy định của pháp luật giao dịch này phải do người đại diện của họ xác lập, thực hiện hoặc đồng ý, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
* Giao dịch dân sự của người quy định tại khoản 1 Điều này không bị vô hiệu trong trường hợp sau đây:
  + Giao dịch dân sự của người chưa đủ sáu tuổi, người mất năng lực hành vi dân sự nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu hàng ngày của người đó;
  + Giao dịch dân sự chỉ làm phát sinh quyền hoặc chỉ miễn trừ nghĩa vụ cho người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự với người đã xác lập, thực hiện giao dịch với họ;
  + Giao dịch dân sự được người xác lập giao dịch thừa nhận hiệu lực sau khi đã thành niên hoặc sau khi khôi phục năng lực hành vi dân sự.

Từ khoản 1, ta có thể thấy rằng giao dịch dân sự do những chủ thể này xác lập (trừ những giao dịch quy định trong khoản 2) chỉ bị vô hiệu khi có yêu cầu của người đại diện của những người đó yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch đó vô hiệu và Tòa án ra quyết định có hiệu lực tuyên bố giao dịch vô hiệu.

Theo Điều 128 BLDS: “Người có năng lực hành vi dân sự nhưng đã xác lập giao dịch vào đúng thời điểm không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình thì có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự đó là vô hiệu.”[[10]](#footnote-10)

Khác với Điều 125 BLDS thì Điều 128 BLDS chỉ áp dụng cho người có năng lực hành vi dân sự. Tại thời điểm giao kết nếu người đó bị rơi vào tình trạng không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình (ví dụ: say rượu…). Chủ thể này không nằm trong nhóm người yếu thế.

**CHƯƠNG II. THỰC TIỄN TRANH CHẤP VỀ GIAO DỊCH DÂN SỰ**

**DO NHÓM NGƯỜI YẾU THẾ XÁC LẬP, THỰC HIỆN**

*Theo bản án số 104/2018/DS-ST ngày 08/11/2018 của Toà án Nhân dân huyện Tân Châu tỉnh Tây Ninh thì vào ngày 21-3-2007 giữa Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty T và ông Thô Sa M, bà Chang T có thỏa thuận ký Hợp đồng tín dụng. Theo hợp đồng thì ông Thô Sa M, bà Chang T vay số tiền 25.000.000 đồng; mục đích vay mua xe gắn máy và sửa nhà; thời hạn vay 36 tháng, kể từ ngày từ ngày 21-3-2007 đến ngày 21-3-2010; hai bên còn có thỏa thuận lãi suất cho vay, lãi suất nợ quá hạn, Tài sản để đảm bảo cho nợ vay là quyền sử dụng đất diện tích 10.519 m2. Việc thế chấp được UBND xã T chứng thực và có đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tân Châu theo đúng quy định của pháp luật.*

*Xét yêu cầu của Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty T yêu cầu ông Thô Sa M và bà Chang T trả tổng cộng nợ gốc và lãi suất là 58.595.500 đồng và tiếp tục trả tiền lãi suất theo hợp đồng cho đến khi trả xong nợ gốc, Toà án thấy rằng: Tại thời điểm năm 2007, Quỹ tín dụng khi tiến hành thủ tục cho khách hàng vay vốn đã thực hiện không đúng theo Quy chế cho vay**của Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty T như “Người trực tiếp giao dịch với khách hàng khi làm thủ tục vay không phải là cán bộ tín dụng của Quỹ tín dụng; không xác định nhu cầu vốn vay của khách hàng, nên số tiền vay trong hợp đồng và số tiền khách hàng thực nhận khác nhau, do không biết chữ, nhưng trước khi lăn dấu vân tay vào hợp đồng không được ai đọc lại nội dung; người không vay tiền nhưng được nhận tiền tại kho quỹ của Quỹ tín dụng, còn khách hàng nhận tiền vay tại nhà bà Lâm N và bà Dương Thị H; các hợp đồng tín dụng đều có mức tiền vay từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng, nhưng không có dự án, phương án sản xuất, kinh doanh v.v”.*

*Tại Kết luận Thanh tra số 36/KL-TNI5 năm 2009 của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Tây Ninh: “Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty T thực hiện cho vay 03 đợt đối với 31 hộ dân tộc Khmer không đúng quy trình cho vay, thông qua người môi giới để người môi giới chiếm dụng vốn vay của khách hàng. Do các hộ vay không biết chữ và không nói thông thạo tiếng Việt nên thông qua 02 người môi giới (phiên dịch) tạo điều kiện cho 02 người môi giới lợi dụng chiếm dụng vốn vay của các hộ dân tộc 504.000.000 đồng, các văn bản khác cũng cho thấy vợ chồng ông Sa M bị chiếm dụng số tiền vay…*

*Từ những chứng cứ trên cho thấy, Hợp đồng tín dụng trên là vô hiệu do bị lừa dối. Do đó giao dịch giữa 2 bên bị vô hiệu ngay từ khi xác lập hợp đồng là ngày 21-3-2007 nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập, khôi phục lại tình trạng ban đầu, các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Như vậy ông Thô Sa M đã nhận số tiền 10.000.000 đồng nên có trách nhiệm trả lại số tiền này cho Quỹ tín dụng, nhưng theo phiếu thu mà Quỹ tín dụng cung cấp đã xác định hộ ông Thô Sa M đã trả được số tiền 15.171.200 đồng (trong đó trả tiền gốc 7.500.000 đồng, tiền lãi 7.671.200 đồng) nhiều hơn số tiền đã nhận là 5.171.200 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, ông Thô Sa M và bà Chang T không yêu cầu trả lại số tiền 5.171200 đồng và không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về quyền sử dụng đất được thế chấp đảm bảo khoản vay, do Hợp đồng tín dụng bị vô hiệu nên Hợp đồng thế chấp cũng không còn hiệu lực nên Quỹ tín dụng có trách nhiệm trả cho ông bà quyền sử dụng đất trên. Thế nên, Toà án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng đối với vợ chồng ông bà về khoản nợ và lãi.*

**2.1. Quan điểm của các cấp Tòa án liên quan đến vụ việc**

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nên theo đó, Kiểm soát viên tham gia phiên tòa nêu lên ý kiến, và các đề nghị với Hội đồng xét xử.

Hội đồng xét xử căn cứ Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 121, Điều 132, Điều 135, Điều 137, Điều 471 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12, ngày 27-02-2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án, xử theo hướng:

+ Tuyên bố Hợp đồng tín dụng số 266/07/HĐTD, ngày 21-3-2007 vô hiệu một phần do bị lừa dối đối với số tiền 15.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty T đối với số tiền 58.595.500 đồng.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty T phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Về nhận định của Tòa án:*

“Ông Thô Sa M, bà Chang T là bị đơn; bà Dương Thị H, bà Lâm N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Thô Sa M, bà Chang T, bà H và bà N.

Theo như Hợp đồng tín dụng số 266/07/HĐTD, ngày 21-3-2007 ký kết giữa Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty T với ông Thô Sa M, bà Chang T là vô hiệu do bị lừa dối, vì theo Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định “Lừa dối trong giao dịch là hành vi cố ý của một bên hoặc của người thứ ba nhằm làm cho bên kia hiểu sai lệch về chủ thể, tính chất của đối tượng hoặc nội dung của giao dịch dân sự nên đã xác lập giao dịch đó”.

Do đó giao dịch giữa Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty T với ông Thô Sa M, bà Chang T là bị vô hiệu ngay từ khi xác lập hợp đồng là ngày 21-3-2007 nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập, khôi phục lại tình trạng ban đầu, các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận.

Từ những phân tích trên, Tòa án quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty T đối với ông Thô Sa M và bà Chang T về tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với số tiền vay gốc 17.500.000 đồng và tiền lãi suất 41.095.500 đồng, tổng cộng 58.595.500 đồng.”[[11]](#footnote-11)

**2.2. Quan điểm của nhóm nghiên cứu về tranh chấp và kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật hiện hành**

***2.2.1. Quan điểm của nhóm nghiên cứu về tranh chấp***

*a) Quan điểm của nhóm sinh viên*

Nhóm nghiên cứu không đồng ý về hiệu lực pháp luật của hợp đồng tín dụng (để vay tiền) giữa ông Thô Sa M, bà Chang T với Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty T.

**Thứ nhất,** giao dịch bị vô hiệu do bị lừa dối, vì theo Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định “Lừa dối trong giao dịch là hành vi cố ý của một bên hoặc của người thứ ba nhằm làm cho bên kia hiểu sai lệch về chủ thể, tính chất của đối tượng hoặc nội dung của giao dịch dân sự nên đã xác lập giao dịch đó”.

**Thứ hai,** giao dịch dân sự vô hiệu khi không có một trong các điều kiện quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự 2015 :“Chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập”. Ông Thô Sa M và bà Chang T thuộc nhóm “người yếu thế”, người khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, ở đây là không biết chữ.

**Thứ ba,** theo điều 117 Bộ luật Dân sự: “Hình thức của giao dịch dân sự là điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự trong trường hợp luật có quy định.” Tại thời điểm năm 2007, Quỹ tín dụng khi tiến hành thủ tục cho khách hàng vay vốn đã thực hiện không đúng theo Quy chế cho vay ban hành kèm theo Quyết định số 13/QĐ-HĐQT, ngày 23-02-2005 của Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty T như “Người trực tiếp giao dịch với khách hàng khi làm thủ tục vay không phải là cán bộ tín dụng của Quỹ tín dụng; không xác định nhu cầu vốn vay của khách hàng, nên số tiền vay trong hợp đồng và số tiền khách hàng thực nhận khác nhau, do không biết chữ, nhưng trước khi lăn dấu vân tay vào hợp đồng không được ai đọc lại nội dung; người không vay tiền nhưng được nhận tiền tại kho quỹ của Quỹ tín dụng, còn khách hàng nhận tiền vay tại nhà bà Lâm N và bà Dương Thị H; các hợp đồng tín dụng đều có mức tiền vay từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng, nhưng không có dự án, phương án sản xuất, kinh doanh

(Việc xét xử rất khó khăn vì thời gian kí kết hợp đồng giữa hai bên là vào năm 2007 trong khi đến tận 2018 tòa án mới giải quyết. Hợp đồng giữ ông M, bà T và quỹ tín dụng nhân dân công ty T là vô hiệu vì theo Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định “Lừa dối trong giao dịch là hành vi cố ý của một bên hoặc của người thứ ba nhằm làm cho bên kia hiểu sai lệch về chủ thể, tính chất của đối tượng hoặc nội dung của giao dịch dân sự nên đã xác lập giao dịch đó”. Đặc biệt để đảm bảo cho số tiền vay theo hợp đồng tín dụng thì ông M và bà T đã thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 10.519m2. Do hợp đồng không hiệu lực nên tòa đã yêu cầu quỹ tín dụng Nhân dân Công ty T phải trả lạ mảnh đất đấy cho ông bà M.)

*b) Hướng giải quyết tranh chấp*

Tuyên bố Hợp đồng tín dụng ký kết giữa Quỹ tín dụng nhân dân Công ty T với ông Thô Sa M, bà Chang T là vô hiệu. Quỹ tín dụng nhân dân Công ty T có trách nhiệm trả cho ông Thô Sa M, bà Chang T giấy chứng nhận quyền sử dụng mảnh đất 10.519m2 do ông Thô Sa M đứng tên đăng ký sử dụng.

***2.2.2. Bất cập và kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật hiện hành***

*Từ nội dung Chương I và Chương II, sinh viên rút ra kết luận về những bất cập quy định pháp luật có liên quan?*

*Từ bất cập quy định pháp luật, sinh viên cần thông qua hiểu biết pháp lý để đưa ra kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật?*

*Lưu ý: bất cập – kiến nghị phải liên quan những vấn đề nghiên cứu, tránh lan man.*

**PHẦN KẾT LUẬN**

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. **VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**
2. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015, Hà Nội.
3. **TÀI LIỆU THAM KHẢO KHÁC**
4. Trần Thị Diệu Hương (16/09/2019), Bảo vệ người yếu thế trong pháp luật dân sự Việt Nam, <http://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=210275>.
5. Dương Thị Uyên (19/05/2022), *Giao dịch dân sự là gì ? Đặc điểm, phân loại giao dịch dân sự ? Cho ví dụ*, <https://luatminhkhue.vn/-giao-dich-dan-su-theo-quy-dinh-cua-bo-luat-dan-su-2015.aspx>
6. *Điều 385 BLDS 2015,* [https://accgroup.vn/dieu-385-bo-luat-dan-su-2015/#:~:text=2.,Ph%C3%A2n%20t%C3%ADch%20%C4%90i%E1%BB%81u%20385%20B%E1%BB%99%20lu%E1%BA%ADt%20d%C3%A2n,v%E1%BB%81%20kh%C3%A1i%20ni%E1%BB%87m%20H%E1%BB%A3p%20%C4%91%E1%BB%93ng&text=H%E1%BB%A3p%20%C4%91%E1%BB%93ng%20l%C3%A0%20s%E1%BB%B1%20th%E1%BB%8Fa%20thu%E1%BA%ADn%20gi%E1%BB%AFa%20c%C3%A1c%20b%C3%AAn%20trong,%C3%BD%20ch%C3%AD%20c%E1%BB%A7a%20Nh%C3%A0%20n%C6%B0%E1%BB%9Bc.](https://accgroup.vn/dieu-385-bo-luat-dan-su-2015/%23:~:text=2.,Ph%C3%A2n%20t%C3%ADch%20%C4%90i%E1%BB%81u%20385%20B%E1%BB%99%20lu%E1%BA%ADt%20d%C3%A2n,v%E1%BB%81%20kh%C3%A1i%20ni%E1%BB%87m%20H%E1%BB%A3p%20%C4%91%E1%BB%93ng&text=H%E1%BB%A3p%20%C4%91%E1%BB%93ng%20l%C3%A0%20s%E1%BB%B1%20th%E1%BB%8Fa%20thu%E1%BA%ADn%20gi%E1%BB%AFa%20c%C3%A1c%20b%C3%AAn%20trong,%C3%BD%20ch%C3%AD%20c%E1%BB%A7a%20Nh%C3%A0%20n%C6%B0%E1%BB%9Bc.)
7. Giao dịch dân sự là gì? Điều kiện để giao dịch dân sự có hiệu lực” (30/04/2022),

[https://thuvienphapluat.vn/chinh-sach-phap-luat-moi/vn/thoi-su-phap-luat/tu-van-phap-luat/40490/giao-dich-dan-su-la-gi-dieu-kien-de-giao-dich-dan-su-co-hieu-luc#:~:text=%C4%90i%E1%BB%81u%20ki%E1%BB%87n%20%C4%91%E1%BB%83%20giao%20d%E1%BB%8Bch%20d%C3%A2n%20s%E1%BB%B1%20c%C3%B3%20hi%E1%BB%87u%20l%E1%BB%B1c,Theo%20quy%20%C4%91%E1%BB%8Bnh&text=%2D%20Ch%E1%BB%A7%20th%E1%BB%83%20c%C3%B3%20n%C4%83ng%20l%E1%BB%B1c,tr%C3%A1i%20%C4%91%E1%BA%A1o%20%C4%91%E1%BB%A9c%20x%C3%A3%20h%E1%BB%99i.](https://thuvienphapluat.vn/chinh-sach-phap-luat-moi/vn/thoi-su-phap-luat/tu-van-phap-luat/40490/giao-dich-dan-su-la-gi-dieu-kien-de-giao-dich-dan-su-co-hieu-luc" \l ":~:text=%C4%90i%E1%BB%81u%20ki%E1%BB%87n%20%C4%91%E1%BB%83%20giao%20d%E1%BB%8Bch%20d%C3%A2n%20s%E1%BB%B1%20c%C3%B3%20hi%E1%BB%87u%20l%E1%BB%B1c,Theo%20quy%20%C4%91%E1%BB%8Bnh&text=%2D%20Ch%E1%BB%A7%20th%E1%BB%83%20c%C3%B3%20n%C4%83ng%20l%E1%BB%B1c,tr%C3%A1i%20%C4%91%E1%BA%A1o%20%C4%91%E1%BB%A9c%20x%C3%A3%20h%E1%BB%99i.)

1. “Bộ luật dân sự 2015 số 91/2015/QH13.” <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Bo-luat-dan-su-2015-296215.aspx>
2. “Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân là gì ? Đặc điểm, nội dung của năng lực pháp luật dân sự.” <https://luatminhkhue.vn/nang-luc-phap-luat-dan-su-cua-ca-nhan-la-gi---dac-diem--noi-dung-cua-nang-luc-phap-luat-dan-su.aspx>
3. “Khó khăn, vướng mắc khi áp dụng Điều 23, 24 Bộ luật Dân sự năm 2015 - Kiểm Sát Online.” <https://kiemsat.vn/kho-khan-vuong-mac-khi-ap-dung-dieu-23-24-bo-luat-dan-su-nam-2015-46982.html>
4. T. Thị and N. Bích, “QUY ĐỊNH VỀ HẠN CHẾ NĂNG LỰC HÀNH VI DÂN SỰ TRONG BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2015,”
5. Nguyễn Văn Điền, Giao dịch dân sự vô hiệu theo quy định của BLDS 2015, <https://tapchitoaan.vn/giao-dich-dan-su-vo-hieu-theo-quy-dinh-cua-blds-2015>, 26/09/2022.
6. “Bộ luật dân sự 2015 số 91/2015/QH13.”, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Bo-luat-dan-su-2015-296215.aspx>

1. TRẦN THỊ DIỆU HƯƠNG (16/09/2019), Bảo vệ người yếu thế trong pháp luật dân sự Việt Nam [↑](#footnote-ref-1)
2. Dương Thị Uyên (19/05/2022) *Giao dịch dân sự là gì ? Đặc điểm, phân loại giao dịch dân sự ?*  [↑](#footnote-ref-2)
3. “*Điều 385 Bộ Luật Dân sự 2015”* [↑](#footnote-ref-3)
4. “Giao dịch dân sự là gì? Điều kiện để giao dịch dân sự có hiệu lực” (30/04/2022) [↑](#footnote-ref-4)
5. Bộ luật dân sự 2015 số 91/2015/QH13 [↑](#footnote-ref-5)
6. “Khó khăn, vướng mắc khi áp dụng Điều 23, 24 Bộ luật Dân sự năm 2015 - Kiểm Sát Online.” [↑](#footnote-ref-6)
7. T. Thị and N. Bích, “QUY ĐỊNH VỀ HẠN CHẾ NĂNG LỰC HÀNH VI DÂN SỰ TRONG BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2015,” [↑](#footnote-ref-7)
8. Nguyễn Văn Điền, “Giao dịch dân sự vô hiệu theo quy định của BLDS 2015”. [↑](#footnote-ref-8)
9. “Nguyễn Văn Điền, Giao dịch dân sự vô hiệu theo quy định của BLDS 2015” [↑](#footnote-ref-9)
10. “Bộ luật dân sự 2015 số 91/2015/QH13 [↑](#footnote-ref-10)
11. Trần Thanh Quốc (HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA), ngày 08/11/2018, *Đơn xem xét Tranh chấp hợp đồng tín dụng* [↑](#footnote-ref-11)